

BẢNG 04a: TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ THEO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)							Đất rừng phòng hộ (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn Thành phố	Trong đó						Toàn Thành phố	Trong đó Huyện Sóc Sơn	
			Huyện Ba Vì	Huyện Đông Anh	Huyện Gia Lâm	Huyện Sóc Sơn	Huyện Thạch Thất	Quận Nam Từ Liêm			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	13.499,78	1.158,18	506,81	600,47	744,65	959,07	87,31	44,24	41,10	Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030 đang tổ chức triển khai thực hiện, chưa được phê duyệt; chỉ tiêu xác định theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của thành phố Hà Nội
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	13.499,78	1.158,18	506,81	600,47	744,65	959,07	87,31	44,24	41,10	Theo Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của thành phố Hà Nội
2	Kết quả thực hiện	6.197,52	183,06	351,38	504,32	509,73	462,85	59,22	-	-	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	372,28	12,00	-	114,70	192,58	-	-			Văn bản: số 780/TTg-KTN ngày 10/5/2016; số 1698/TTg-KTN ngày 28/9/2016, số 2113/TTg-KTN ngày 23/11/2016, số 203/TTg-KTN ngày 09/02/2017 của Thủ tướng chính phủ
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội cấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	5.825,24	171,06	351,38	389,62	317,15	462,85	59,22	-	-	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 02/12/2015; Văn bản số 333/HĐND-KTNS ngày 30/8/2016; Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/12/2016; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/7/2017; Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/12/2017; Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018; Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018; Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08/7/2019; Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019; Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố
2.5	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại										
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện										
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1-2+3)	7302,26	975,12	155,43	96,15	234,92	496,22	28,09	44,24	41,10	

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)							Đất rừng phòng hộ (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn Thành phố	Trong đó						Toàn Thành phố	Trong đó	
			Huyện Ba Vì	Huyện Đông Anh	Huyện Gia Lâm	Huyện Sóc Sơn	Huyện Thạch Thất	Quận Nam Từ Liêm	Huyện Sóc Sơn		
5	Diện tích đất được phép chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2021-2030	Chưa được phê duyệt	1.417,3	6.096,56	1441,07	1.760,56	975,03		Chưa được phê duyệt	41,1	- Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 1425/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; số 5149/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5135/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5162/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5154/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5150/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5186/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5168/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5165/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5163/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 257/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; số 5152/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5167/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5148/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5164/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và số 5182/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND Thành phố v/v phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện; Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND Thành phố v/v điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa - Chỉ tiêu đất rừng thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch năm 2018
6	Kết quả thực hiện (từ ngày 01/01/2021 đến tháng 02/2024)	6.295,24	300,13	1.407,18	155,14	360,38	494,80	21,60	-	-	
6.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư										
6.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										
6.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	730,11	-	480,41	-	-	41,30	-	-	-	Văn bản số 162/TTg-NN ngày 05/02/2021; số 832/TTg-NN ngày 16/6/2021; số 357/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 358/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 637/TTg-NN ngày 22/7/2022; số 1175/TTg-NN ngày 19/12/2022, số 1230/TTg-NN ngày 27/12/2022; số 10/TTg-NN ngày 28/01/2023; số 92/TTg-NN ngày 01/3/2023; số 174/TTg-NN ngày 23/3/2023; số 232/TTg-NN ngày 07/4/2023; số 310/TTg-NN ngày 26/4/2023; số 366/TTg-NN ngày 05/5/2023; số 1132/TTg-NN ngày 20/11/2023; số 1262/TTg-NN ngày 30/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ;
6.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất (từ ngày 01/01/2021 đến tháng 02/2024)	5.565,13	300,13	926,77	155,14	360,38	453,50	21,60	-	-	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố
6.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại										
7	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại	1.007,02	1.117,22	4.689,38	1.285,93	1.400,18	480,23	6,49	44,24	41,10	